

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM**  
**VIETNAM WATER, SANITATION AND ENVIRONMENT JSC**

Số 5, Đường Thành, Phường Cửa Đông, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội  
Tel: 02438281429; Fax: 02438284760; Website: viwase.com.vn; Email: viwase@hn.vnn.vn

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**NĂM 2024**

THÁNG 03 NĂM 2025

## MỤC LỤC

|   |           |
|---|-----------|
| <b>I. THÔNG TIN CHUNG</b> .....   | <b>3</b>  |
| 1. Thông tin khái quát: .....   | 3         |
| 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh: .....  | 3         |
| 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.....             | 7         |
| 5. Các rủi ro: .....  | 8         |
| <b>II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2024</b> .....                                     | <b>9</b>  |
| 1. Tình hình và kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024: .....                             | 9         |
| 2. Tổ chức và nhân sự: .....  | 10        |
| 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án: .....                               | 19        |
| 4. Tình hình tài chính của Công ty VIWASE: .....  | 19        |
| 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: .....                            | 22        |
| <b>III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b> .....                             | <b>22</b> |
| 1. Đánh giá kết quả hoạt động SXKD: .....   | 22        |
| 2. Tình hình tài chính: .....   | 23        |
| 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: .....                         | 24        |
| <b>IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY</b> .....                | <b>24</b> |
| 1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty: .....                            | 24        |
| 2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng giám đốc Công ty: .....                  | 24        |
| 3. Các kế hoạch, định hướng của HĐQT: .....   | 25        |
| <b>V. QUẢN TRỊ CÔNG TY</b> .....  | <b>25</b> |
| 1. Hội đồng quản trị: .....   | 25        |
| 2. Ban Kiểm soát: .....   | 29        |
| 3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BKS và Ban Tổng giám đốc:..... | 30        |
| <b>VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH</b> .....  | <b>30</b> |
| 1. Ý kiến kiểm toán:.....   | 30        |
| 2. Báo cáo tài chính được kiểm toán: .....  | 30        |

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2024**  
**CÔNG TY ĐẠI CHÚNG: CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM**  
**(VIWASE)**

**I. THÔNG TIN CHUNG**

**1. Thông tin khái quát:**

- Tên giao dịch: **Công ty cổ phần Nước và Môi trường Việt Nam**
- Tên giao dịch tiếng Anh: Vietnam Water, Sanitation and Environment Joint Stock Company
- Tên viết tắt: VIWASE
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100104972, đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 11 năm 2006; đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 15 tháng 5 năm 2013; đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 06 tháng 6 năm 2014; đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 31 tháng 7 năm 2015; đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 28 tháng 01 năm 2016; đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 08 tháng 12 năm 2016; đăng ký thay đổi lần thứ bảy ngày 22 tháng 01 năm 2019; đăng ký thay đổi lần thứ tám ngày 30 tháng 01 năm 2019.
- Vốn điều lệ: 36.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: Số 5, phố Đường Thành, phường Cửa Đông, quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội
- Điện thoại: 024 - 38281429 Fax: 024 - 38284760
- Website: viwase.vn
- Mã cổ phiếu: VWS
- Quá trình hình thành và phát triển:
  - ◆ Năm 1961 - 1972: **Đội thiết kế công nghệ** - Viện Thiết kế Quy hoạch thành phố - **Bộ Kiến trúc**
  - ◆ Năm 1973 - 1974: **Đội thiết kế công nghệ** - Viện Thiết kế công trình kỹ thuật thành phố - **Bộ Xây dựng**
  - ◆ Năm 1975 - 1983: **Xí nghiệp thiết kế cấp thoát nước** - Bộ Xây dựng
  - ◆ Năm 1984 - 1994: **Công ty Thiết kế Cấp thoát nước** - Bộ Xây dựng
  - ◆ Năm 1995 - 2001: **Công ty Tư vấn Cấp thoát nước và Môi trường Việt Nam (VIWASE)** - Bộ Xây dựng
  - ◆ Năm 2002 - 2005: **Công ty Nước và Môi trường Việt Nam (VIWASE)** - Bộ Xây dựng
  - ◆ Từ năm 2006: **Công ty cổ phần Nước và Môi trường Việt Nam (VIWASE)**

**2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:**

- Ngành nghề kinh doanh:

| STT | Tên ngành  | Mã ngành        |
|-----|--|-----------------|
| 1   | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);   | 6619            |
| 2   | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết:<br>- Tư vấn, tổng thầu tư vấn, khảo sát thiết kế, quản lý dự án bao gồm: Lập và thẩm tra các báo cáo đầu tư; dự án đầu tư xây dựng công trình; báo cáo kinh tế kỹ thuật; hồ sơ thiết kế, dự toán và tổng dự toán; Tư vấn đấu thầu và hợp đồng kinh tế về tư | 7110<br>(Chính) |

| STT | Tên ngành   | Mã ngành |
|-----|---|----------|
|     | <p>vấn, xây lắp, cung cấp vật tư, thiết bị; Tư vấn quản lý dự án; Tư vấn giám sát thi công, lắp đặt cho các công trình sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Công trình cấp nước, thoát nước, chất thải rắn và vệ sinh môi trường.</li> <li>+ Công trình dân dụng và công nghiệp.</li> <li>+ Công trình giao thông.</li> <li>+ Công trình thủy lợi.</li> <li>+ Công trình hạ tầng kỹ thuật.</li> <li>+ Công trình cấp điện động lực, điện dân dụng, điện chiếu sáng, đường dây điện cao thế và trạm biến áp.</li> </ul> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lập quy hoạch chuyên ngành cấp thoát nước và vệ sinh môi trường; lập quy hoạch hạ tầng kỹ thuật đô thị; lập quy hoạch chi tiết xây dựng cho: Đô thị, nông thôn và khu công nghiệp, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp.</li> <li>- Thiết kế, lập tổng dự toán và dự toán, thẩm tra thiết kế các công trình dân dụng và công nghiệp;</li> <li>- Tổng thầu thực hiện các dự án cấp thoát nước theo hình thức chìa khóa trao tay</li> <li>- Hoạt động đo đạc bản đồ: Dịch vụ điều tra, đo đạc và lập bản đồ địa hình và địa chính; Vẽ bản đồ và thông tin về không gian. Quan trắc chuyên dịch biên dạng công trình.</li> <li>- Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước: Điều tra địa vật lý, địa chấn, động đất; Hoạt động điều tra địa chất; Hoạt động điều tra đất đai và đường biên giới; Hoạt động điều tra thủy học; Hoạt động điều tra lớp dưới bề mặt. Khoan thăm dò và đánh giá trữ lượng nước ngầm.</li> <li>- Chứng nhận đủ điều kiện bảo đảm an toàn chịu lực công trình xây dựng và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng.</li> <li>- Thiết kế máy móc và thiết bị: thiết kế chế tạo thiết bị chuyên ngành cấp thoát nước và hạ tầng kỹ thuật.</li> <li>- Khảo sát địa hình, địa chất, địa chất công trình, địa chất thủy văn, môi sinh, môi trường, thí nghiệm không khí, đất và nước;</li> <li>- Phân tích, đánh giá hiệu quả kinh tế-tài chính, hiệu quả xã hội của dự án.</li> <li>- Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.</li> <li>- Kiểm định chất lượng công trình xây dựng.</li> </ul> |          |
| 3   | <p>Giáo dục khác chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết: đào tạo trong lĩnh vực chuyên ngành cấp thoát nước và vệ sinh môi trường.</p>  | 8559     |
| 4   | <p>Kiểm tra và phân tích kỹ thuật</p> <p>Chi tiết: kiểm tra chất lượng thiết bị, vật tư</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra và đo lường các chỉ số môi trường: ô nhiễm không khí và nước...;</li> </ul> <p>(Trừ các hoạt động của phòng thí nghiệm của phòng cảnh sát)</p>  | 7120     |
| 5   | <p>Lắp đặt hệ thống xây dựng khác</p> <p>Chi tiết: lắp đặt các công trình dân dụng, công nghiệp, kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu công nghiệp</p>   | 4329     |
| 6   | <p>Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng</p>  | 4663     |

| STT | Tên ngành   | Mã ngành |
|-----|---|----------|
| 7   | Khai thác, xử lý và cung cấp nước   | 3600     |
| 8   | Lắp đặt hệ thống điện<br>Chi tiết: Lắp đặt các công trình điện, đường dây và trạm biến thế đến 35KV<br>(Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)  | 4321     |
| 9   | Quảng cáo<br>(Trừ quảng cáo thuốc lá)   | 7310     |
| 10  | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận<br>(không bao gồm hoạt động điều tra và các hoạt động nhà nước cấm)  | 7320     |
| 11  | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Tư vấn về môi trường;<br>- Tư vấn về công nghệ khác;<br>- Tư vấn lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược<br>- Tư vấn thiết kế các giải pháp an toàn thoát nạn, chữa cháy cho cơ sở, tư vấn lập và thực tập phương án chữa cháy, phương án thoát nạn cho cơ sở<br>- Tư vấn thiết kế, tư vấn thẩm định, tư vấn giám sát về phòng cháy và chữa cháy<br>- Tư vấn kiểm tra, kiểm định kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy | 7490     |
| 12  | Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác Chi tiết:<br>- Khử độc các vùng đất và nước ngầm tại nơi bị ô nhiễm, ở vị trí hiện tại hoặc vị trí cũ, thông qua sử dụng các phương pháp cơ học, hoá học hoặc sinh học  | 3900     |
| 13  | Thoát nước và xử lý nước thải   | 3700     |
| 14  | Thu gom rác thải không độc hại  | 3811     |
| 15  | Thu gom rác thải độc hại  | 3812     |
| 16  | Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại  | 3821     |
| 17  | Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại  | 3822     |
| 18  | Tái chế phế liệu  | 3830     |
| 19  | Hoàn thiện công trình xây dựng  | 4330     |
| 20  | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Luật kinh doanh bất động sản 2015  | 6810     |
| 21  | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa   | 5210     |
| 22  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết:<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị khác để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác;   | 4659     |
| 23  | Sản xuất máy chuyên dụng khác   | 2829     |

| STT | Tên ngành  | Mã ngành |
|-----|--|----------|
| 24  | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br>(Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường)  | 5610     |
| 25  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (trừ vàng, rác thải, phế liệu)<br>(Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)   | 8299     |
| 26  | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày  | 5510     |
| 27  | Xây dựng nhà để ở  | 4101     |
| 28  | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết:<br>- Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi, sắt thép và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh | 4752     |
| 29  | Xây dựng nhà không để ở  | 4102     |
| 30  | Xây dựng công trình thủy   | 4291     |
| 31  | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo  | 4293     |
| 32  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác   | 4299     |
| 33  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại  | 8230     |
| 34  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí  | 4322     |
| 35  | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên   | 7211     |
| 36  | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ  | 7212     |
| 37  | Xây dựng công trình điện   | 4221     |
| 38  | Xây dựng công trình cấp, thoát nước  | 4222     |
| 39  | Xây dựng công trình công ích khác<br>Chi tiết:<br>- Xây dựng công trình xử lý bùn.<br>- Xây dựng các công trình công ích khác chưa được phân vào đâu   | 4229     |
| 40  | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học xã hội   | 7221     |

- Địa bàn kinh doanh: Hà Nội và các tỉnh, thành trong cả nước

### 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị:

Mô hình quản trị của Công ty được tổ chức theo điểm a khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp 2020 bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng giám đốc.

- Cơ cấu bộ máy quản lý:

Bộ máy quản lý trực tiếp chỉ đạo, điều hành sản xuất của Công ty gồm có Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, các phòng, ban chức năng và các đơn vị trực tiếp sản xuất (xem sơ đồ tổ chức).

- Các công ty liên doanh, liên kết:

#### Công ty liên doanh

| Công ty                              | Ngành nghề             | % sở hữu theo Giấy CNĐKKD | 31/12/2024 (đồng)    | 01/01/2024 (đồng)    |
|--------------------------------------|------------------------|---------------------------|----------------------|----------------------|
| Công ty cổ phần BĐS Lilama Land      | Đầu tư, kinh doanh BĐS |                           | 375.000.000          | 375.000.000          |
| Công ty cổ phần Bất động sản An Việt | Đầu tư, kinh doanh BĐS | 02                        | 2.000.000.000        | 2.000.000.000        |
| <b>Tổng</b>                          |                        |                           | <b>2.375.000.000</b> | <b>2.375.000.000</b> |

#### Công ty liên kết:

| Công ty   | Ngành nghề | % sở hữu theo Giấy CNĐKKD | 31/12/2024 (đồng)    | 01/01/2024 (đồng)    |
|---|------------|---------------------------|----------------------|----------------------|
| Công ty CP Nước, Môi trường và HTKT Sài Gòn (Sài Gòn WEICO)     | Tư vấn     | 48,81                     | 1.855.800.000        | 1.855.800.000        |
| Công ty CP Tư vấn và ĐTXD Hạ tầng Phương Đông (OCI)             | Tư vấn     | 48,97                     | 1.385.860.000        | 1.385.860.000        |
| Công ty CP Tư vấn Đầu tư Môi trường và Hạ tầng Lạc Việt (LAVIC) | Tư vấn     | 44,48                     | 934.089.605          | 934.089.605          |
| <b>Tổng</b>   |            |                           | <b>4.175.749.605</b> | <b>4.175.749.605</b> |

### 4. Định hướng phát triển

VIWASE đã xác định các nhiệm vụ trọng tâm cần thực hiện trong năm 2025, cụ thể:

- Tiếp tục nâng cao công tác quản trị doanh nghiệp, quản lý công ty theo Điều lệ, Quy chế, Quy định đã được điều chỉnh và thông qua trong năm 2021, đồng thời định kỳ rà soát bổ sung Quy chế hoạt động sản xuất phù hợp với tình hình thực tế từng giai đoạn.

- Tăng cường, kiểm soát chặt chẽ các hoạt động phát triển thị trường, giám sát các chi phí trong hoạt động thị trường, đảm bảo chi phí thị trường được sử dụng đúng mục đích và có hiệu quả.

- Tăng cường duy trì sự ổn định, phát triển Công ty, phát huy uy tín và thương hiệu công ty trong việc cung cấp dịch vụ tư vấn, hiệu quả cho khách hàng, với chất lượng cao và toàn diện trong lĩnh vực chính là hạ tầng kỹ thuật, có ưu tiên thích đáng để phát triển các dịch vụ trong các địa bàn, lĩnh vực mới.

- Thực hiện tốt, hiệu quả các hợp đồng đã ký với khách hàng; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, tăng cường hỗ trợ từ công ty cho các đơn vị;

- Tiếp tục hoàn thiện cơ chế chia sẻ thông tin thị trường, đấu thầu, mở rộng số hoá dữ liệu và quy trình đấu thầu để khai thông đầy đủ và thích đáng.

- Sắp xếp nâng cao năng lực tổ chức sản xuất của các đơn vị, các nhóm dự án. Huy động mọi nguồn lực tham gia các hợp đồng có giá trị lớn; Linh hoạt trong công tác triển khai dự án, kể cả phương thức thực hiện trước khi ký hợp đồng.

- Điều chỉnh kịp thời Quy chế hoạt động đảm bảo tạo điều kiện tốt hơn cho người lao động; đãi ngộ thích đáng người có năng lực, trách nhiệm và quy chế phân chia tài chính minh bạch, công bằng và hợp lý; Nỗ lực triển khai trong các hoạt động môi trường- xã hội, chính sách phát triển, an ninh nguồn nước, quy hoạch chuyên ngành v.v

- Đổi mới, nâng cao công tác quản trị doanh nghiệp thông qua việc quy hoạch cán bộ, lựa chọn, tuyển dụng, bổ nhiệm cán bộ có trình độ quản trị, có chuyên môn, nhiệt huyết triển khai thực hiện các lĩnh vực ngành nghề bổ sung.

- Thường xuyên đào tạo, quy hoạch đội ngũ cán bộ chuyên môn, quản lý có đạo đức tốt; có trình độ cao nhất là các chủ nhiệm dự án. Đồng thời tiếp tục nâng cao chất lượng công tác đào tạo, tiếp tục thực hiện tốt chương trình hội thảo phát triển kỹ năng nghề nghiệp. Tổ chức các khoá đào tạo, hội thảo nâng cao kiến thức chuyên ngành, cập nhật tiến bộ khoa học kỹ thuật.

- Tăng cường áp dụng công nghệ thông tin, phần mềm chuyên dụng; Từng bước áp dụng các mô hình quản lý thông tin như BIM.

- Cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động, xây dựng và thực hành văn hoá công ty.

- Hợp tác chặt chẽ trên nguyên tắc hai bên cùng có lợi, hỗ trợ và giúp đỡ lẫn nhau giữa Công ty và Tổng Công ty tư vấn xây dựng Việt Nam (VNCC) cùng các công ty liên kết. Lựa chọn một số đối tác quốc tế để hợp tác cung cấp các dịch vụ tư vấn.

- Đẩy mạnh triển khai các dịch vụ tư vấn phi truyền thống.

- Định hướng cơ cấu lại các đơn vị sản xuất, cung cấp dịch vụ thương mại, hợp tác kinh doanh để tăng doanh thu tài chính và hiệu quả dự án của công ty.

##### 5. Các rủi ro:

Tình hình chung của năm 2025 và các năm tiếp theo vẫn còn khó khăn do nguồn lực đầu tư của xã hội cần thời gian phát triển trở lại theo diễn biến tình hình chung và theo độ mở của chính sách để huy động nguồn lực xã hội ngoài nguồn vốn chính phủ.

Lĩnh vực tư vấn chủ yếu của Công ty về ngành nước, môi trường và hạ tầng kỹ thuật, nên thường gắn liền với đầu tư, phát triển kinh tế cả nước nói chung. Với bối cảnh kinh tế trong nước trong năm 2024, dự kiến thị trường công việc trong năm 2025 vẫn sẽ bị ảnh hưởng tuy nhiên số lượng các dự án đầu tư dự kiến chuẩn bị cho kế hoạch trung hạn mới 2026-2030 sẽ mở rộng hơn. Mặc dù vậy, các hợp đồng dự kiến phần nhiều là công tác chuẩn bị đầu tư nên có nguồn việc làm mới nhưng tổng giá trị sản lượng và doanh thu hợp đồng mới có giá trị không cao.

Sự cạnh tranh trong phân khúc thị trường tư vấn ngành hạ tầng kỹ thuật và môi trường sẽ ngày càng gay gắt. Các lĩnh vực đang bắt đầu phát triển có liên quan như biến đổi khí hậu, đô thị thông minh, đô thị xanh bao gồm tổng hợp nhiều ngành nghề kỹ thuật, công nghệ số, đòi hỏi sự chuyên đổi và thích ứng cao.

Đơn giá thiết kế không tăng trong khi chi phí sản xuất tiếp tục tăng. Sự cạnh tranh thầu cũng làm cho giá dịch vụ tư vấn xuống càng thấp, dẫn đến giảm lợi nhuận, đặc biệt có sự cạnh tranh không lành mạnh từ các doanh nghiệp nhỏ hoạt động cùng lĩnh vực (như bỏ giá thầu thấp, chất lượng sản phẩm không đáp ứng yêu cầu, ...).

Tình trạng thu hút nhân lực chuyên môn cao từ lĩnh vực tư vấn chuyển sang các lĩnh vực khác hấp dẫn hơn (cung cấp vật tư, thiết bị, các công ty vốn nước ngoài) vẫn diễn biến phức tạp.



Như đã phân tích ở trên, thị trường, địa bàn và lĩnh vực của công ty đang gặp một số khó khăn. Việc tham dự thầu các dự án cũng bị hạn chế do nguồn việc giảm, cạnh tranh trong đấu thầu và một số bất lợi trong đấu thầu do sở hữu chéo cổ phần dẫn đến mâu thuẫn theo quy định của Chính phủ cũng như của các nhà tài trợ. Vì vậy, lộ trình thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp cần được có kế hoạch cụ thể để công ty chủ động có giải pháp nhằm tăng tính cạnh tranh, để có thể tham dự thầu được sâu rộng hơn nhằm tìm kiếm việc làm, đảm bảo ổn định hoạt động sản xuất.

Ngoài ra, Công ty có thể tiếp tục gặp phải khó khăn đối với tình trạng nợ đọng vốn từ các dự án, công trình sử dụng ngân sách tại nhiều địa phương tăng cao, thu hồi công nợ khó khăn. Các hợp đồng lớn, có tính dài hạn như giai đoạn trung hạn trước không còn, sản lượng từ các dự án đầu tư trong lĩnh vực cấp thoát nước của khu vực tư nhân có sự tăng trưởng nhưng tính thanh khoản thấp có thể ảnh hưởng đến doanh thu công ty.

Cơ cấu bộ máy còn khá cồng kềnh, số lượng lao động giỏi, có chuyên môn cao cần bổ sung trong bối cảnh việc tuyển dụng nhân sự còn khó khăn do thiếu nguồn nhân lực ngành và sự hấp dẫn của môi trường làm việc. Trong thời gian tới, công ty sẽ phải tăng cường tạo nguồn việc và thị trường theo các xu thế đầu tư mới của xã hội, tiếp tục đổi mới tổ chức sản xuất, thực hiện tăng năng suất để cải thiện thu nhập cho người lao động.

## **II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2024**

### ***1. Tình hình và kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024:***

Năm 2024, đầu tư công từ nguồn vốn ngân sách nhà nước cho lĩnh vực hạ tầng tiếp tục tăng, tập trung phần lớn vào hạ tầng giao thông, nguồn lực đầu tư trong lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật về cấp thoát nước, môi trường chưa được cải thiện, trong đó các dự án lớn ODA chủ yếu trong bước chuẩn bị hiệp định vay và vẫn chưa được triển khai mới bước thực hiện dự án.

Thị trường của công ty tiếp tục được duy trì tại các vùng miền cả nước, tại các địa bàn lớn, truyền thống của Công ty (Hà Nội, TP Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng...) tuy nhiên số lượng dự án các địa bàn đô này giảm nhiều so với giai đoạn trước đây.

Các dịch vụ tư vấn tiêu biểu trong năm 2024 đang thực hiện là các (03) Quy hoạch cấp thoát nước thành phố Hải Phòng, Dự án tuyến ống truyền tải nước sạch nhà máy nước Bắc Ninh 45.000m<sup>3</sup>/ngày, Dự án thiết kế hệ thống nước thải Cẩm Lệ, Đà Nẵng, Dự án hệ thống thoát nước mua Tả-Hữu sông Nhuệ Hà Nội, Dự án hệ thống thu gom nước thải Cần Thơ.

Giá trị doanh thu, hiệu quả và lợi nhuận thấp do chi phí sản xuất tăng (gồm cả chi phí bản quyền phần mềm), công tác thuế, trượt giá, thời gian thẩm định phê duyệt thanh toán cho các hợp đồng kéo dài.

Tình hình khó khăn thu hồi công nợ từ khách hàng, nhất là đối với các dự án, công trình sử dụng vốn ngân sách, vốn ODA do các thủ tục thẩm định, phê duyệt dự án phức tạp, chậm trễ kéo dài hoặc do các nhà đầu tư tư nhân bị hạn chế nguồn vốn đầu tư mới ảnh hưởng tới nguồn lực tài chính công ty.

Cơ cấu hiện đang được điều chỉnh, tái cấu trúc để giảm chi phí quản lý và thực hiện đáp ứng với đa dạng nguồn vốn hơn. Các hoạt động khác của Công ty thực hiện đầy đủ theo kế hoạch từ đầu năm như cải thiện môi trường làm việc (đào tạo hội thảo, đầu tư mua sắm sửa chữa cơ sở vật chất) và các chương trình đảm bảo quyền lợi của CBNV Công ty.

Về việc chuyển nhượng Dự án/bán tài sản dự án của Dự án đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước tại thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, UBND tỉnh Hưng Yên đã ban hành Quyết định số 100/QĐ-UBND ngày 20/09/2024 về việc chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư cho Công ty cổ phần đầu tư và giao thông Phương Thành và sẽ thanh lý Hợp đồng chuyển nhượng dự án giữa 02 bên dự kiến trong quý I năm 2025.

Thực hiện duy trì, nâng cao thương hiệu và hình ảnh Công ty thông qua việc nâng cao chất lượng dịch vụ tư vấn, mở rộng quan hệ với các đối tác, các cơ quan quản lý nhà nước ở cả các bộ ngành và địa phương, tham gia tích cực các hoạt động của các hiệp hội nghề nghiệp v.v.

Trong năm 2024 Công ty đã có nhiều sự điều chỉnh về phương thức và mô hình tổ chức sản xuất, điều chỉnh quy chế hoạt động, tăng cường công tác phối hợp sản xuất, thích ứng linh hoạt với tình hình thực tế và nâng cao năng suất lao động. Xác định chất lượng là yếu tố sống còn của doanh nghiệp, không dừng lại ở các sản phẩm đảm bảo chất lượng, Công ty khuyến khích và thúc đẩy sản xuất sáng tạo, tích cực áp dụng giải pháp khoa học công nghệ thông qua việc tăng cường trao đổi thông tin, kinh nghiệm với các nhà khoa học, các đơn vị cung cấp vật tư thiết bị. Thường xuyên quan tâm phát triển nguồn nhân lực bao gồm: cải thiện môi trường làm việc, cải thiện thu nhập cho người lao động để giữ cán bộ tốt đồng thời tạo điều kiện thu hút nhân sự từ bên ngoài.

Hoạt động phong trào của các tổ chức công đoàn, đoàn Thanh niên được quan tâm, góp phần tích cực trong việc xây dựng nền nếp và văn hoá doanh nghiệp trong công ty.

Bảng dưới đây tổng hợp một số chỉ tiêu chính và kết quả thực hiện so với kế hoạch.

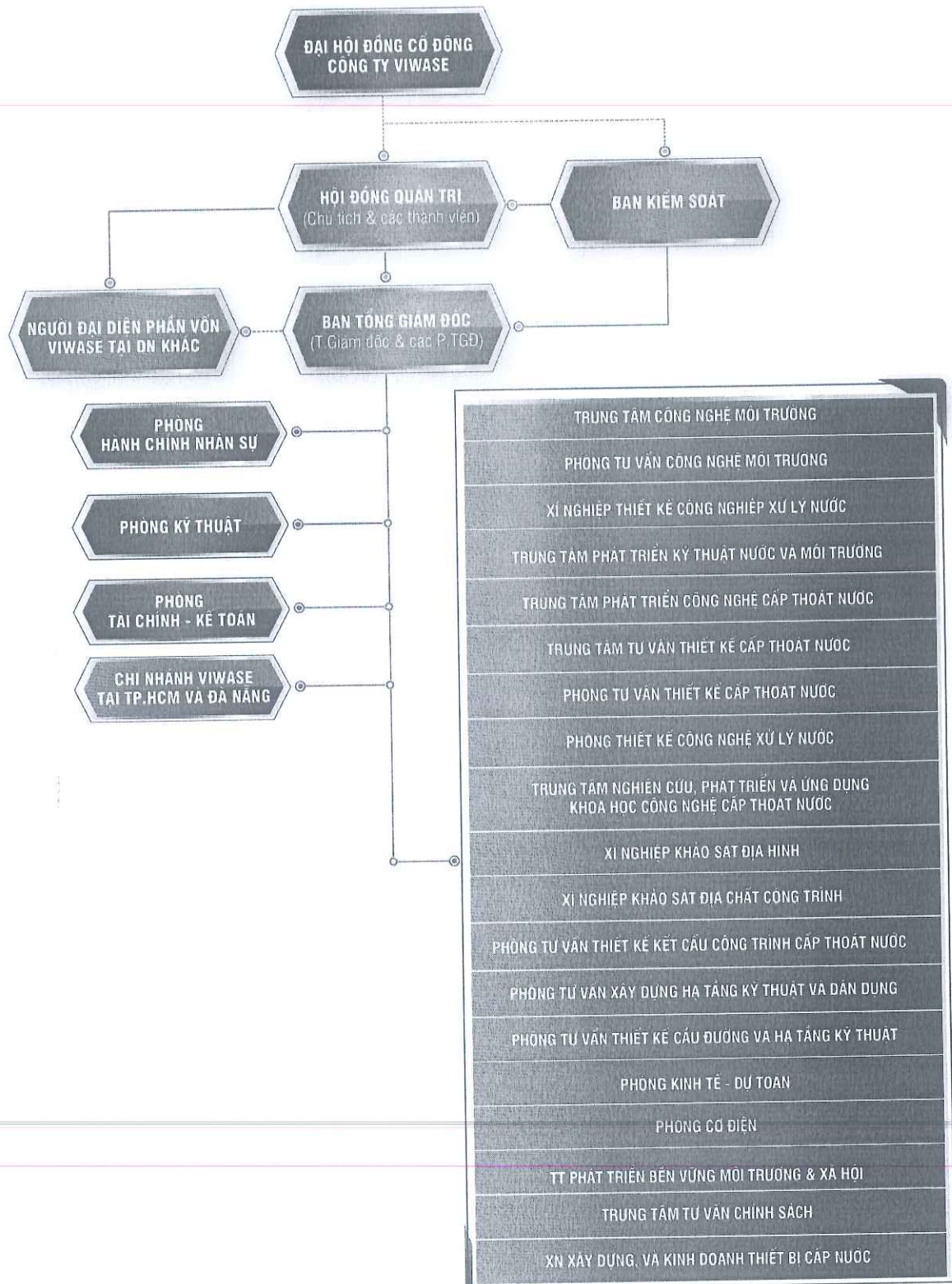
*Đơn vị tính: triệu đồng*

| STT | Chỉ tiêu  | Kế hoạch<br>2024                | Thực hiện<br>2024 |
|-----|---|---------------------------------|-------------------|
| I   | Tổng doanh thu quyết toán, trong đó:  | 113.200                         | 94.125            |
|     | - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ  | 90.000                          | 70.727            |
|     | - Doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác,<br>doanh thu từ chuyển nhượng dự án | 23.200                          | 23.398            |
| II  | Lợi nhuận trước thuế  | 12.750                          | 10.707            |
| III | Nộp ngân sách Nhà nước  | 6.360                           | 7.147             |
| IV  | Lợi nhuận sau thuế, trong đó:   | 10.259                          | 8.396             |
|     | - Lợi nhuận sau thuế  | 10.259                          | 8.396             |
| V   | Lãi cơ bản trên cổ phiếu  | Ko có trong<br>NQ ĐHĐCĐ<br>2024 | 2.332             |

## 2. Tổ chức và nhân sự:

- Sơ đồ tổ chức, quản lý điều hành Công ty:

## SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY



- Danh sách Ban điều hành

+ Hội đồng quản trị Công ty

| Họ và tên   | Chức vụ                       | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Nguyên quán | Nơi đăng ký HKTT   | Trình độ học vấn       | Nghề nghiệp          | Lý luận chính trị | Hành vi phạm pháp luật | Quyền lợi mâu thuẫn với Cty | Số cổ phần nắm giữ |                      |                   | Số CP nắm giữ của người có liên quan |
|---|-------------------------------|-----------------------|-----------|-------------|--|------------------------|----------------------|-------------------|------------------------|-----------------------------|--------------------|----------------------|-------------------|--------------------------------------|
|   |                               |                       |           |             |  |                        |                      |                   |                        |                             | Tổng số            | CP đại diện vốn VNCC | CP sở hữu cá nhân |                                      |
| <b>Nguyễn Thanh Hải</b>   | <b>Chủ tịch HĐQT</b>          | 6/11/1968             | Nam       | Quảng Ngãi  | A7, số 2 Bùi Ngọc Dương, Hai Bà Trưng, Hà Nội  | Kỹ sư Cấp thoát nước   | Quản lý doanh nghiệp | Sơ cấp            | Không                  | Không                       | 508.700            | 118.142              | 118.142           | Không                                |
| <i>Tóm tắt quá trình công tác:<br/>(Từ tháng/năm đến tháng/năm)</i> |                               |                       |           |             |  |                        |                      |                   |                        |                             |                    |                      |                   |                                      |
|   |                               | 1990                  |           | 1991        | Công ty Xây dựng Cấp thoát nước số 2 - Bộ Xây dựng   |                        |                      |                   |                        |                             |                    |                      |                   |                                      |
|   |                               | 1991                  |           | 2002        | Xưởng trưởng Xưởng 4, Công ty Tư vấn Cấp thoát nước và Môi trường Việt Nam (VIWASE)  |                        |                      |                   |                        |                             |                    |                      |                   |                                      |
|   |                               | 2003                  |           | 2014        | Phó Giám đốc Công ty Nước và Môi trường Việt Nam/ Phó TGĐ Công ty CP Nước và Môi trường Việt Nam                             |                        |                      |                   |                        |                             |                    |                      |                   |                                      |
|   |                               | 01/2015               |           | 01/2019     | Thành viên HĐQT/ Phó chủ tịch HĐQT, Phó TGĐ Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Việt Nam                                      |                        |                      |                   |                        |                             |                    |                      |                   |                                      |
|   |                               | 02/2019               |           | 04/2021     | Chủ tịch HĐQT Công ty CP Nước và Môi trường Việt Nam nhiệm kỳ 2016-2021  |                        |                      |                   |                        |                             |                    |                      |                   |                                      |
|   |                               | 04/2021               |           | đến nay     | Chủ tịch HĐQT Công ty CP Nước và Môi trường Việt Nam nhiệm kỳ 2021-2026  |                        |                      |                   |                        |                             |                    |                      |                   |                                      |
| <b>Lê Văn Tuấn</b>  | <b>TV HĐQT, Tổng giám đốc</b> | 3/10/1972             | Nam       | Thanh Hóa   | Số 25, cụm 5, tổ 19, Vĩnh Hưng, Hoàng Mai, Hà Nội  | Thạc sỹ cấp thoát nước | Quản lý doanh nghiệp | Sơ cấp            | Không                  | Không                       | 544.718            | 381.950              | 162.768           | Không                                |
| <i>Tóm tắt quá trình công tác:<br/>(Từ tháng/năm đến tháng/năm)</i> |                               |                       |           |             |  |                        |                      |                   |                        |                             |                    |                      |                   |                                      |
|   |                               | 9/1994                |           | 10/1996     | Cán bộ thiết kế, Công ty Xây dựng Cấp thoát nước (WASENCO).  |                        |                      |                   |                        |                             |                    |                      |                   |                                      |
|   |                               | 10/1996               |           | 2/2006      | Cán bộ thiết kế/ Phó giám đốc Xi nghiệp Tư vấn môi trường, Trung tâm Nông thôn, Công ty Nước và Môi trường Việt Nam (VIWASE) |                        |                      |                   |                        |                             |                    |                      |                   |                                      |
|   |                               | 2/2006                |           | 3/2008      | Giám đốc Công ty CP Nước, Môi trường và HTKT Sài Gòn (SAIGON WEICO)  |                        |                      |                   |                        |                             |                    |                      |                   |                                      |
|   |                               | 3/2008                |           | 2010        | Giám đốc Công ty CP Đầu tư Phát triển An Việt (ANVIET)   |                        |                      |                   |                        |                             |                    |                      |                   |                                      |
|   |                               | 9/2009                |           | đến nay     | Phó Tổng giám đốc/ Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2021-2026/ Tổng giám đốc Công ty CP Nước và Môi trường Việt Nam                  |                        |                      |                   |                        |                             |                    |                      |                   |                                      |
| <b>Nguyễn Văn Thành</b>   | <b>TV HĐQT</b>                | 07/5/1953             | Nam       | Hà Nam      | Số 9 Đường Thanh Niên, Hà Nội  | Kỹ sư Cấp thoát nước   | Quản lý doanh nghiệp | Cao cấp           | Không                  | Không                       | 79.080             | Không                | 79.080            | Không                                |
| <i>Tóm tắt quá trình công tác:</i>                                  |                               |                       |           |             |  |                        |                      |                   |                        |                             |                    |                      |                   |                                      |

| Họ và tên   | Chức vụ             | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Nguyên quán | Nơi đăng ký HKTT                             | Trình độ học vấn     | Nghề nghiệp          | Lý luận chính trị | Hành vi vi phạm pháp luật | Quyền lợi mâu thuẫn với Cty | Số cổ phần nắm giữ |                      | Số CP nắm giữ của người có liên quan |                   |  |
|---|---------------------|-----------------------|-----------|-------------|--|----------------------|----------------------|-------------------|---------------------------|-----------------------------|--------------------|----------------------|--------------------------------------|-------------------|--|
|   |                     |                       |           |             |  |                      |                      |                   |                           |                             | Tổng số            | CP đại diện vốn VNCC |                                      | CP sở hữu cá nhân |  |
| <i>(Từ tháng/năm đến tháng/năm)</i>                                 |                     |                       |           |             |  |                      |                      |                   |                           |                             |                    |                      |                                      |                   |  |
| Nguyễn Hiền Hòa   | TV HĐQT,<br>Phó TGD | 1976                  | 1983      | Hà Nội      | Tổ 15 cụm 2, phường Nhật Tân, Tây Hồ, Hà Nội | Kỹ sư Cấp thoát nước | Quản lý doanh nghiệp | Sơ cấp            | Không                     | Không                       | Không              | 69.565               | 69.565                               | 14.414 – Vợ       |  |
|   |                     | 6/1983                | 10/1997   |             |  |                      |                      |                   |                           |                             |                    |                      |                                      |                   |  |
|   |                     | 1997                  | 11/2010   |             |  |                      |                      |                   |                           |                             |                    |                      |                                      |                   |  |
|   |                     | 11/2010               | 5/2013    |             |  |                      |                      |                   |                           |                             |                    |                      |                                      |                   |  |
|   |                     | 4/2021                | đến nay   |             |  |                      |                      |                   |                           |                             |                    |                      |                                      |                   |  |
| <i>Tóm tắt quá trình công tác:<br/>(Từ tháng/năm đến tháng/năm)</i> |                     |                       |           |             |  |                      |                      |                   |                           |                             |                    |                      |                                      |                   |  |
|   |                     | 1992                  | 1996      |             |  |                      |                      |                   |                           |                             |                    |                      |                                      |                   |  |
|   |                     | 1996                  | 2000      |             |  |                      |                      |                   |                           |                             |                    |                      |                                      |                   |  |
|   |                     | 2000                  | 2002      |             |  |                      |                      |                   |                           |                             |                    |                      |                                      |                   |  |
|   |                     | 2002                  | 2006      |             |  |                      |                      |                   |                           |                             |                    |                      |                                      |                   |  |
|   |                     | 2006                  | 2007      |             |  |                      |                      |                   |                           |                             |                    |                      |                                      |                   |  |
|   |                     | 2007                  | 2012      |             |  |                      |                      |                   |                           |                             |                    |                      |                                      |                   |  |
|   |                     | 2013                  | 2021      |             |  |                      |                      |                   |                           |                             |                    |                      |                                      |                   |  |
|   |                     | 4/2021                | đến nay   |             |  |                      |                      |                   |                           |                             |                    |                      |                                      |                   |  |
| Nguyễn Mạnh Hùng  | TV HĐQT,<br>Phó TGD | 1/9/1972              | Nam       | Hà Tây      | 71 Trúc Bạch, Ba Đình, Hà Nội                | Tiến sĩ Kỹ thuật     | Quản lý doanh nghiệp | Sơ cấp            | Không                     | Không                       | Không              | 38.599               | 38.599                               | Không             |  |
| <i>Tóm tắt quá trình công tác:<br/>(Từ tháng/năm đến tháng/năm)</i> |                     |                       |           |             |  |                      |                      |                   |                           |                             |                    |                      |                                      |                   |  |
|   |                     | 1994                  | 1998      |             |  |                      |                      |                   |                           |                             |                    |                      |                                      |                   |  |
|   |                     | 1998                  | 2007      |             |  |                      |                      |                   |                           |                             |                    |                      |                                      |                   |  |
|   |                     | 6/2007                | 4/2021    |             |  |                      |                      |                   |                           |                             |                    |                      |                                      |                   |  |
|   |                     | 4/2021                | đến nay   |             |  |                      |                      |                   |                           |                             |                    |                      |                                      |                   |  |

| Họ và tên      | Chức vụ | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Nguyên quán | Nơi đăng ký HKTT                         | Trình độ học vấn | Nghề nghiệp          | Lý luận chính trị | Hành vi vi phạm pháp luật | Quyền lợi mâu thuẫn với Cty | Số cổ phần năm giữ |                      |                   | Số CP năm giữ của người có liên quan |
|----------------|---------|-----------------------|-----------|-------------|--|------------------|----------------------|-------------------|---------------------------|-----------------------------|--------------------|----------------------|-------------------|--------------------------------------|
|                |         |                       |           |             |  |                  |                      |                   |                           |                             | Tổng số            | CP đại diện vốn VNCC | CP sở hữu cá nhân |                                      |
| Nguyễn Bá Minh | TV HĐQT | 19/1/1972             | Nam       | Hà Nội      | 57, ngõ 133, phố Tân Ấp, Ba Đình, Hà Nội | Kiến trúc sư     | Quản lý doanh nghiệp | Sơ cấp            | Không                     | Không                       | 381.950            | 381.950              | 0                 | Không                                |

*Tóm tắt quá trình công tác:*  
(Từ tháng/năm đến tháng/năm)

|                 |   |
|-----------------|---|
| 4/2016 đến 2023 | Thành viên HĐQT – TP. Kế hoạch và Đầu tư – Tổng công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam-CTCP nhiệm kỳ 2021-2026  |
| 2024 đến nay    | Thành viên HĐQT Công ty CP Nước và Môi trường Việt Nam nhiệm kỳ 2016-2021 và 2021-2026<br>Thành viên HĐQT – Tổng công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam-CTCP<br>Thành viên HĐQT Công ty CP Nước và Môi trường Việt Nam nhiệm kỳ 2021-2026 |

| Nguyễn Thành Tài | TV HĐQT, Phó TGD | 8/5/1974 | Nam | Nam Định | 507 D1, Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội | Tiến sĩ Kỹ thuật | Quản lý doanh nghiệp | Sơ cấp | Không | Không | 37.070 | Không | 37.070 | Không |
|------------------|------------------|----------|-----|----------|-------------------------------------|------------------|----------------------|--------|-------|-------|--------|-------|--------|-------|
|------------------|------------------|----------|-----|----------|-------------------------------------|------------------|----------------------|--------|-------|-------|--------|-------|--------|-------|

*Tóm tắt quá trình công tác:*  
(Từ tháng/năm đến tháng/năm)

|        |         |         |         |         |  |   |
|--------|---------|---------|---------|---------|--|---|
| 1996   | 2002    | 2005    | 2006    | 4/2017  | đến nay  | Kỹ sư Xây dựng/ Thạc sĩ Kỹ thuật, Công ty Nước và Môi trường Việt Nam |
| 2002   | 2005    | 2006    | 4/2017  | đến nay | Làm luận án Tiến sĩ Kỹ thuật tại Trường Đại học Yokohama, Nhật Bản   |   |
| 2006   | 4/2017  | đến nay | đến nay | đến nay | Giám đốc Xi nghiệp Thiết kế Kết cấu công trình/ Phó Tổng giám đốc, Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Việt Nam |   |
| 4/2017 | đến nay | đến nay | đến nay | đến nay | Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2016-2021/2021-2026, Phó TGD Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Việt Nam              |   |

**+ Ban Kiểm soát Công ty**

| Họ và tên       | Chức vụ              | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Nguyên quán | Nơi đăng ký HKTT                                       | Trình độ học vấn | Nghề nghiệp | Lý luận chính trị | Hành vi vi phạm pháp luật | Quyền lợi mâu thuẫn với Cty | Số cổ phần năm giữ |                      |                   | Số CP năm giữ của người có liên quan |
|-----------------|----------------------|-----------------------|-----------|-------------|--|------------------|-------------|-------------------|---------------------------|-----------------------------|--------------------|----------------------|-------------------|--------------------------------------|
|                 |                      |                       |           |             |  |                  |             |                   |                           |                             | Tổng số            | CP đại diện vốn VNCC | CP sở hữu cá nhân |                                      |
| Đỗ Thị Thủy Nga | Trưởng Ban Kiểm soát | 10/5/1974             | Nữ        | Hà Nội      | Số 8 ngõ 318, phố Bùi Xương Trạch, phường Khương Đình, | Đại học          | Kế toán     | Sơ cấp            | Không                     | Không                       | 86.207             | Không                | 86.207            | Không                                |

| Họ và tên  | Chức vụ       | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Nguyên quán | Nơi đăng ký HKTT   | Trình độ học vấn | Nghề nghiệp          | Lý luận chính trị | Hành vi vi phạm pháp luật | Quyền lợi mâu thuẫn với Cty | Số cổ phần nắm giữ |                      |                   | Số CP nắm giữ của người có liên quan |
|--|---------------|-----------------------|-----------|-------------|--|------------------|----------------------|-------------------|---------------------------|-----------------------------|--------------------|----------------------|-------------------|--------------------------------------|
|  |               |                       |           |             |  |                  |                      |                   |                           |                             | Tổng số            | CP đại diện vốn VNCC | CP sở hữu cá nhân |                                      |
| <i>Tóm tắt quá trình công tác:</i><br>(Từ tháng/năm đến tháng/năm) |               |                       |           |             |  |                  |                      |                   |                           |                             |                    |                      |                   |                                      |
|  |               |                       |           | 1996        | 1997   |                  |                      |                   |                           |                             |                    |                      |                   |                                      |
|  |               |                       |           | 1998        | 1999   |                  |                      |                   |                           |                             |                    |                      |                   |                                      |
|  |               |                       |           | 1999        | 6/2011   |                  |                      |                   |                           |                             |                    |                      |                   |                                      |
|  |               |                       |           | 6/2011      | đến nay  |                  |                      |                   |                           |                             |                    |                      |                   |                                      |
| <b>Vũ Thị Hậu</b>  | <b>TV BKS</b> | 25/12/1958            | Nữ        | Hà Nội      | Số 18, ngách 17, Đại học nghề 463 Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội | Đại học          | Kế toán viên cao cấp | Sơ cấp            | Không                     | Không                       | 13.137             | Không                | 13.137            | 4.756 - Chồng                        |
| <i>Tóm tắt quá trình công tác:</i><br>(Từ tháng/năm đến tháng/năm) |               |                       |           |             |  |                  |                      |                   |                           |                             |                    |                      |                   |                                      |
|  |               |                       |           | 02/1981     | 4/1999   |                  |                      |                   |                           |                             |                    |                      |                   |                                      |
|  |               |                       |           | 4/1999      | 4/2016   |                  |                      |                   |                           |                             |                    |                      |                   |                                      |
|  |               |                       |           | 4/2016      | Đến nay  |                  |                      |                   |                           |                             |                    |                      |                   |                                      |
| <b>Nguyễn Thị Thuý</b>   | <b>TV BKS</b> | 27/8/1977             | Nữ        | Bắc Giang   | Số 91, ngõ 133, phố Tân Áp, Phúc Xá, Ba Đình, Hà nội       | Đại học          | Kinh tế              | Sơ cấp            | Không                     | Không                       | 6.342              | Không                | 6.342             | Không                                |
| <i>Tóm tắt quá trình công tác:</i><br>(Từ tháng/năm đến tháng/năm) |               |                       |           |             |  |                  |                      |                   |                           |                             |                    |                      |                   |                                      |
|  |               |                       |           | 1999        | 2016   |                  |                      |                   |                           |                             |                    |                      |                   |                                      |
|  |               |                       |           | 2017        | đến nay  |                  |                      |                   |                           |                             |                    |                      |                   |                                      |
|  |               |                       |           | 4/2021      | đến nay  |                  |                      |                   |                           |                             |                    |                      |                   |                                      |

**+ Ban Tổng giám đốc Công ty**

| Họ và tên          | Chức vụ                               | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Nguyên quán | Nơi đăng ký HKTT                                  | Trình độ học vấn       | Nghề nghiệp          | Lý luận chính trị | Hành vi vi phạm pháp luật | Quyền lợi mâu thuẫn với Cty | Số cổ phần nắm giữ |                      |                   | Số CP nắm giữ của người có liên quan |
|--------------------|---------------------------------------|-----------------------|-----------|-------------|---|------------------------|----------------------|-------------------|---------------------------|-----------------------------|--------------------|----------------------|-------------------|--------------------------------------|
|                    |                                       |                       |           |             |   |                        |                      |                   |                           |                             | Tổng số            | CP đại diện vốn VNCC | CP sở hữu cá nhân |                                      |
| <b>Lê Văn Tuấn</b> | <b>Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc</b> | 3/10/1972             | Nam       | Thanh Hóa   | Số 25, cụm 5, tổ 19, Vinh Hưng, Hoàng Mai, Hà Nội | Thạc sỹ cấp thoát nước | Quản lý doanh nghiệp | Sơ cấp            | Không                     | Không                       | 544.548            | 381.780              | 162.768           | Không                                |

| Họ và tên  | Chức vụ                  | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính            | Nguyên quán  | Nơi đăng ký HKTT                             | Trình độ học vấn            | Nghề nghiệp          | Lý luận chính trị | Hành vi vi phạm pháp luật | Quyền lợi mâu thuẫn với Cty | Số cổ phần nắm giữ |                      |                   | Số CP nắm giữ của người có liên quan |
|--|--------------------------|-----------------------|----------------------|--|--|-----------------------------|----------------------|-------------------|---------------------------|-----------------------------|--------------------|----------------------|-------------------|--------------------------------------|
|  |                          |                       |                      |  |  |                             |                      |                   |                           |                             | Tổng số            | CP đại diện vốn VNCC | CP sở hữu cá nhân |                                      |
| <i>Tóm tắt quá trình công tác:</i><br>(Từ tháng/năm đến tháng/năm)                                 |                          |                       |                      |  |  |                             |                      |                   |                           |                             |                    |                      |                   |                                      |
| Nguyễn Thành Tài   | Thành viên HĐQT, Phó TGD | 8/5/1974              | Nam                  | Nam Định   | 507 D1, Phường Mai, Đống Đa, Hà Nội          | Tiến sĩ Kỹ thuật            | Quản lý doanh nghiệp | Sơ cấp            | Không                     | Không                       | 37.070             | Không                | 37.070            | Không                                |
| <i>Tóm tắt quá trình công tác:</i><br>(Từ tháng/năm đến tháng/năm)                                 |                          |                       |                      |  |  |                             |                      |                   |                           |                             |                    |                      |                   |                                      |
| Nguyễn Mạnh Hùng   | Thành viên HĐQT, Phó TGD | 1/9/1972              | Nam                  | Hà Tây   | 71 Trúc Bạch, Ba Đình, Hà Nội                | Tiến sĩ Kỹ thuật            | Quản lý doanh nghiệp | Sơ cấp            | Không                     | Không                       | 38.559             | Không                | 38.559            | Không                                |
| <i>Tóm tắt quá trình công tác:</i><br>(Từ tháng/năm đến tháng/năm)                                 |                          |                       |                      |  |  |                             |                      |                   |                           |                             |                    |                      |                   |                                      |
| Nguyễn Hòa   | Thành viên HĐQT, Phó TGD | 11/11/1970            | Nam                  | Hà Nội   | Tổ 15 cụm 2, phường Nhật Tân, Tây Hồ, Hà Nội | Kỹ sư Cấp nước, thoát nước  | Quản lý doanh nghiệp | Sơ cấp            | Không                     | Không                       | 69.565             | Không                | 69.565            | 14.414 – Vợ                          |
| <i>Tóm tắt quá trình công tác:</i><br>(Từ tháng/năm đến tháng/năm)                                 |                          |                       |                      |  |  |                             |                      |                   |                           |                             |                    |                      |                   |                                      |
| Nguyễn Văn Nguyễn  | Phó TGD                  | 23/10/1976            | Nam                  | Nghệ An  | Phòng 605 B15 Đại Kim, Hoàng Mai, Hà Nội     | Thạc sĩ kỹ thuật môi trường | Quản lý doanh nghiệp | Sơ cấp            | Không                     | Không                       | 20.470             | Không                | 20.470            | Không                                |
| <i>Tóm tắt quá trình công tác:</i><br>(Từ tháng/năm đến tháng/năm)                                 |                          |                       |                      |  |  |                             |                      |                   |                           |                             |                    |                      |                   |                                      |
| Kiên Hùng  | Phó TGD                  | 2001                  | 2007                 | Kỹ sư/ Phó phòng / Trưởng phòng Công ty Nước và Môi trường Việt Nam                            |  |                             |                      |                   |                           |                             |                    |                      |                   |                                      |
|  |                          | 5/2007                | 7/2013               | Phó Giám đốc/ Giám đốc XN - Công ty CP Nước và Môi trường Việt Nam                             |  |                             |                      |                   |                           |                             |                    |                      |                   |                                      |
|  |                          | 8/2013                | 5/2016               | Trưởng khối thiết kế công nghệ xử lý nước/Giám đốc XN - Công ty CP Nước và Môi trường Việt Nam |  |                             |                      |                   |                           |                             |                    |                      |                   |                                      |
|  |                          | 5/2016                | đến nay              | Phó Tổng giám đốc Công ty CP Nước và Môi trường Việt Nam (VIWASE)                              |  |                             |                      |                   |                           |                             |                    |                      |                   |                                      |
| <i>Tóm tắt quá trình công tác:</i><br>(Từ tháng/năm đến tháng/năm)                                 |                          |                       |                      |  |  |                             |                      |                   |                           |                             |                    |                      |                   |                                      |
| 1994   | 1998                     | Thạc sĩ Kỹ thuật      | Quản lý doanh nghiệp | Sơ cấp   | Không  | Không                       | 24.579               | Không             | Không                     | 24.579                      | Không              | Không                | Không             | Không                                |
| <i>Tóm tắt quá trình công tác:</i><br>(Từ tháng/năm đến tháng/năm)                                 |                          |                       |                      |  |  |                             |                      |                   |                           |                             |                    |                      |                   |                                      |
| Kỹ sư/ - Công ty tư vấn CCIC/ Ban Quản lý dự án Cấp nước Gia lâm – Sở Giao thông công chính Hà Nội |                          |                       |                      |  |  |                             |                      |                   |                           |                             |                    |                      |                   |                                      |



| Họ và tên               | Chức vụ        | Ngày, tháng, năm sinh   | Giới tính | Nguyên quán   | Nơi đăng ký HKTT  | Trình độ học vấn | Nghề nghiệp          | Lý luận chính trị | Hành vi phạm pháp luật | Quyền lợi mẫu thuẫn với Cty | Số cổ phần nắm giữ |                      |                   | Số CP nắm giữ của người có liên quan |  |
|-------------------------|----------------|---|-----------|---|---|------------------|----------------------|-------------------|------------------------|-----------------------------|--------------------|----------------------|-------------------|--------------------------------------|--|
|                         |                |   |           |   |   |                  |                      |                   |                        |                             | Tổng số            | CP đại diện vốn VNCC | CP sở hữu cá nhân |                                      |  |
| <b>Trịnh Xuân Thịnh</b> | <b>Phó TGĐ</b> | 02/9/1977   | Nam       | Thanh Hoá   | Phòng 806, chung cư Rainbow, khu đô thị Văn Quán, phường Văn Quán, Hà Nội | Thạc sĩ kỹ thuật | Quản lý doanh nghiệp | Sơ cấp            | Không                  | Không                       | 7.570              | Không                | 7.570             | Không                                |  |
|                         |                | <i>Tóm tắt quá trình công tác:</i>  |           |   |   |                  |                      |                   |                        |                             |                    |                      |                   |                                      |  |
|                         |                | <i>(Từ tháng/năm đến tháng/năm)</i>   |           |   |   |                  |                      |                   |                        |                             |                    |                      |                   |                                      |  |
|                         |                | 2000  | 2012      | Kỹ sư/ Phó giám đốc Trung tâm tư vấn - Công ty nước và môi trường Việt Nam (VIWASE) |   |                  |                      |                   |                        |                             |                    |                      |                   |                                      |  |
|                         |                | 10/2012   | 8/2020    | Giám đốc Công ty cổ phần đầu tư phát triển An Việt                                  |   |                  |                      |                   |                        |                             |                    |                      |                   |                                      |  |
| 01/2018                 | 12/2021        | Kỹ sư/ Giám đốc Trung tâm phát triển CN cấp thoát nước- Công ty CP nước và môi trường Việt Nam (VIWASE) |           |   |   |                  |                      |                   |                        |                             |                    |                      |                   |                                      |  |
| 10/2021                 | đến nay        | Phó TGĐ Công ty CP Nước và Môi trường Việt Nam  |           |   |   |                  |                      |                   |                        |                             |                    |                      |                   |                                      |  |

- Những thay đổi trong Ban điều hành trong năm 2024: Không có
- Số lượng cán bộ, CNV tính đến 31/12/2024: 169 người

|   | Số lượng   | Tỷ lệ       |
|---|------------|-------------|
| - Tiến sĩ và Thạc sĩ  | 33         | 19%         |
| - Kỹ sư Cấp thoát nước, vệ sinh và môi trường   | 59         | 35%         |
| - Kỹ sư Xây dựng, Kết cấu   | 40         | 24%         |
| - Kỹ sư các chuyên ngành khác: địa chất, thủy văn, cơ điện, kiến trúc, kinh tế, hóa học, tin học... | 32         | 20%         |
| - Kỹ thuật viên, công nhân  | 3          | 1.0%        |
| - Lao động phổ thông (bảo vệ, vệ sinh)  | 2          | 1.0%        |
| <b>Tổng cộng</b>  | <b>169</b> | <b>100%</b> |

- Chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

+ Chế độ làm việc:

Công ty thực hiện chế độ làm việc 5,5 ngày/tuần và tổng số 40 giờ làm việc/tuần. Công ty và nhân viên có thể thỏa thuận về việc làm thêm giờ và số giờ làm thêm này sẽ được tính cho người lao động là từ 150% đến 300% mức lương làm việc ngày thường theo Bộ luật Lao động.

Nhân viên thuộc diện chế độ thai sản, chăm sóc con nhỏ, ngoài được hưởng nghỉ chế độ thai sản theo các quy định hiện hành của Nhà nước, được tạo điều kiện tối đa về giờ làm việc/ngày cho các nhân viên đang nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi. Trong thời gian nghỉ thai sản, nhân viên vẫn nhận lương theo các quy định về Bảo hiểm xã hội.

+ Chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ CNV: Đã được quy định rõ trong “*Quy chế tuyển dụng, ký kết, chấm dứt HĐLĐ, đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho người lao động*” nhằm nâng cao chất lượng cán bộ, CNV ngay từ giai đoạn tuyển dụng, để đáp ứng nhu cầu, nhiệm vụ SXKD ngày càng cao như giai đoạn hiện nay cũng như các năm tiếp theo.

+ Chính sách lương thưởng:

HDQT Công ty ban hành quyết định Hệ thống thang lương, bảng lương của doanh nghiệp phù hợp với các quy định hiện hành của Nhà nước và thực hiện tăng lương cho cán bộ nhân viên năm 2022. Bên cạnh đó, Công ty có thực hiện các chính sách xã hội, những chế độ đãi ngộ riêng theo Quy chế hoạt động của Công ty bao gồm:

- Tổ chức thăm hỏi gia đình người lao động khi đau ốm, việc hiếu, hỉ.
- Tổ chức quyên góp tiền ủng hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn;
- Tổ chức gặp gỡ cho con em người lao động, tặng quà cho các cháu học sinh giỏi;
- Tạo điều kiện cho Đoàn Thanh niên tham gia các hoạt động đoàn thể của Công ty và trên địa bàn Công ty đóng trụ sở;
- Tổ chức gặp mặt nữ lao động trong các dịp Quốc tế phụ nữ (8/3), ngày Phụ nữ Việt Nam (20/10);
- Hàng năm tổ chức cho người lao động được tham quan nghỉ mát.

+ Chính sách cổ tức:

Căn cứ Điều lệ Công ty, tỷ lệ cổ tức hàng năm do HDQT đề xuất và được Đại hội đồng cổ đông quyết định trên những căn cứ sau:

- Chỉ chi trả cổ tức khi kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế, các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước và trích lập các quỹ theo quy định hiện hành;
- Chia cổ tức theo tỷ lệ vốn góp của cổ đông.

Căn cứ kết quả SXKD từng năm, HDQT có thể tạm ứng cổ tức cho cổ đông theo điều kiện thực tế để đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông.

**3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:**

a) Các khoản đầu tư lớn:

- Quản lý tình hình thực hiện dự án đầu tư xây dựng NMN Văn Lâm: đã được trình bày tại Mục 1, Phần II của Báo cáo này.

- Sửa chữa trụ sở làm việc của Công ty: Một số hạng mục cơ sở vật chất của công ty đã xuống cấp làm ảnh hưởng trực tiếp đến điều kiện sinh hoạt và làm việc của cán bộ nhân viên công ty. Dự kiến các giai đoạn cải tạo đồng bộ trụ sở sẽ tiếp tục cần được triển khai trong năm 2025.

b) Tóm tắt tình hình hoạt động SXKD của các công ty liên kết:

Một số chỉ tiêu tài chính phản ánh kết quả hoạt động SXKD của các công ty liên kết mà VIWASE có góp vốn trong năm 2024 được trình bày trong bảng dưới đây:

*Đơn vị tính: Đồng*

| Các chỉ tiêu báo cáo năm 2024   | Sài Gòn WEICO  | OCI            | LAVIC         |
|---------------------------------|----------------|----------------|---------------|
| Vốn điều lệ tính đến 31/12/2024 | 3.802.000.000  | 2.830.000.000  | 2.100.090.000 |
| Số lượng cổ phiếu lưu hành      | 380.200        | 283.000        | 210.009       |
| Cổ phiếu phổ thông              | 380.200        | 283.000        | 210.009       |
| Mệnh giá cổ phiếu lưu hành      | 10.000         | 10.000         | 10.000        |
| Tổng tài sản                    | 43.483.723.126 | 13.252.306.766 | 8.859.833.049 |
| Tài sản ngắn hạn                | 43.483.723.126 | 12.988.786.770 | 8.821.284.831 |
| Tài sản dài hạn                 | 0              | 263.519.996    | 38.548.218    |
| Tổng nguồn vốn                  | 43.483.723.126 | 13.252.306.766 | 8.859.833.049 |
| Nợ phải trả                     | 36.102.503.403 | 10.172.888.321 | 6.306.892.352 |
| Vốn chủ sở hữu                  | 7.381.219.723  | 3.079.418.445  | 2.552.940.697 |
| Doanh thu đạt trong năm         | 12.335.717.872 | 14.950.030.866 | 8.098.230.512 |
| Lợi nhuận trước thuế            | 505.755.645    | 238.806.079    | 247.235.481   |
| Lợi nhuận sau thuế              | 404.604.516    | 191.044.863    | 75.227.963    |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu        | 1.064          | 675            | 35,82         |
| Cổ tức chi trả (tỷ lệ)          | 8%             | 5%             | 3%            |
| Thuế và các khoản phải nộp NN   | 1.450.445.185  | 1.098.708.409  | 2.122.391.827 |
| Thuế và các khoản đã nộp NN     | 117.416.821    | 521.167.883    | 1.643.107.766 |

**4. Tình hình tài chính của Công ty VIWASE:**

a. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Đơn vị tính: Đồng

| STT        | Nội dung                            | Năm 2024               | Năm 2023               |
|------------|-------------------------------------|------------------------|------------------------|
| <b>I</b>   | <b>Tài sản ngắn hạn</b>             | <b>69.209.088.485</b>  | <b>62.512.177.650</b>  |
| 1          | Tiền và các khoản tương đương tiền  | 12.820.392.341         | 9.964.442.695          |
| 2          | Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 5.600.000.000          | 5.600.000.000          |
| 3          | Các khoản phải thu ngắn hạn         | 47.168.198.666         | 42.647.104.243         |
| 4          | Hàng tồn kho                        | 3.518.492.317          | 3.601.846.270          |
| 5          | Tài sản ngắn hạn khác               | 102.005.161            | 698.784.442            |
| <b>II</b>  | <b>Tài sản dài hạn</b>              | <b>41.178.848.766</b>  | <b>39.587.021.915</b>  |
| 1          | Các khoản phải thu dài hạn          |                        |                        |
| 2          | Tài sản cố định                     | 34.419.215.928         | 32.517.064.716         |
|            | - Tài sản cố định hữu hình          | 33.931.854.828         | 31.498.036.944         |
|            | - Tài sản cố định vô hình           | 487.361.100            | 1.019.027.772          |
|            | - Chi phí xây dựng cơ bản dở dang   | -                      | -                      |
| 3          | Bất động sản đầu tư                 | -                      | -                      |
| 4          | Các khoản đầu tư tài chính dài hạn  | 6.394.245.555          | 6.394.355.495          |
| 5          | Tài sản dài hạn khác                | 365.387.283            | 675.601.704            |
| <b>III</b> | <b>Tổng cộng tài sản</b>            | <b>110.387.937.251</b> | <b>102.099.199.565</b> |
| <b>IV</b>  | <b>Nợ phải trả</b>                  | <b>57.305.086.535</b>  | <b>50.932.590.347</b>  |
| 1          | Nợ ngắn hạn                         | 56.600.300.540         | 50.227.804.352         |
| 2          | Nợ dài hạn                          | 704.785.995            | 704.785.995            |
| <b>V</b>   | <b>Vốn chủ sở hữu</b>               | <b>53.082.850.716</b>  | <b>51.166.609.218</b>  |
| 1          | Vốn chủ sở hữu                      | <b>53.082.850.716</b>  | <b>51.166.609.218</b>  |
|            | - Vốn đầu tư của chủ sở hữu         | 36.000.000.000         | 36.000.000.000         |
|            | - Chênh lệch tỷ giá hối đoái        |                        | -                      |
|            | - Các quỹ                           | 12.247.854.983         | 13.600.972.884         |
|            | - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 4.796.241.498          | 1.526.882.099          |
| 2          | Nguồn kinh phí và quỹ khác          | <b>10.000.000</b>      | <b>10.000.000</b>      |

| STT       | Nội dung                            | Năm 2024               | Năm 2023               |
|-----------|-------------------------------------|------------------------|------------------------|
|           | - Nguồn kinh phí                    | 10.000.000             | 10.000.000             |
|           | - Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ |                        | -                      |
| <b>VI</b> | <b>Tổng cộng nguồn vốn</b>          | <b>110.387.937.251</b> | <b>102.099.199.565</b> |

b. Kết quả hoạt động kinh doanh

| STT | Chỉ tiêu                                 | Năm 2024        | Năm 2023       |
|-----|--|-----------------|----------------|
| 1   | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ   | 70.727.165.475  | 85.926.770.214 |
| 2   | Các khoản giảm trừ doanh thu             | -               | -              |
| 3   | Doanh thu thuần về bán hàng, cung cấp DV | 70.727.165.475  | 85.926.770.214 |
| 4   | Giá vốn hàng bán                         | 62.321.567.193  | 74.456.006.496 |
| 5   | LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ   | 8.405.598.282   | 11.470.763.718 |
| 6   | Doanh thu hoạt động tài chính            | 835.218.014     | 764.421.946    |
| 7   | Chi phí tài chính                        | 1.307.506       | 52.727.807     |
| 8   | Chi phí bán hàng                         | -               | -              |
| 9   | Chi phí quản lý doanh nghiệp             | 11.658.592.242  | 10.666.293.797 |
| 10  | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh  | (2.419.083.452) | 1.516.164.060  |
| 11  | Thu nhập khác                            | 14.203.233.894  | 427.656.686    |
| 12  | Chi phí khác                             | 1.077.062.755   | 90.315.000     |
| 13  | Lợi nhuận khác                           | 13.126.171.139  | 337.341.686    |
| 14  | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế        | 10.707.087.687  | 1.853.505.746  |
| 15  | Thuế thu nhập doanh nghiệp               | 2.310.846.189   | 326.632.647    |
| 16  | Lợi nhuận sau thuế TNDN                  | 8.396.241.498   | 1.526.882.099  |
| 17  | Lãi cơ bản trên cổ phiếu                 | 2.332           | 424            |
| 18  | Cổ tức trên mỗi cổ phiếu                 | 1.800           | 800            |

Đơn vị tính: Đồng

c. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

| STT | Chỉ tiêu                              | ĐVT | Năm 2024 | Năm 2023 |
|-----|---------------------------------------|-----|----------|----------|
| 1   | Cơ cấu tài sản                        |     |          |          |
|     | - Tài sản dài hạn/Tổng tài sản        | %   | 37,3     | 38,77    |
|     | - Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản       |     | 62,7     | 61,22    |
| 2   | Cơ cấu nguồn vốn                      |     |          |          |
|     | - Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn        | %   | 51,91    | 49,88    |
|     | - Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn |     | 48,09    | 50,10    |

| STT | Chỉ tiêu                                  | ĐVT | Năm 2024 | Năm 2023 |
|-----|---|-----|----------|----------|
| 3   | Khả năng thanh toán                       | Lần |          |          |
|     | - Khả năng thanh toán hiện hành           |     | 1,22     | 1,24     |
|     | - Khả năng thanh toán nhanh               |     | 1,16     | 1,17     |
| 4   | Tỷ suất lợi nhuận (TSLN)                  | %   |          |          |
|     | - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản |     | 0,08     | 1,49     |
|     | - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu    |     | 0,12     | 1,77     |
|     | - Tỷ suất LNST/ Nguồn vốn chủ sở hữu      |     | 0,16     | 4,24     |

**5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 3.600.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 VNĐ/01 cổ phần
- Loại cổ phần đang lưu hành: cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần tự do chuyên nhượng: 3.600.000 cổ phần

b) Cơ cấu cổ đông:

| Cơ cấu cổ đông                | Số lượng cổ đông                      |                             | Tổng số CP sở hữu |                  | Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%) |
|-------------------------------|---------------------------------------|-----------------------------|-------------------|------------------|----------------------|
|                               | Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% CP trở lên) | Cổ đông nhỏ (sở hữu <5% CP) | Cổ đông lớn       | Cổ đông nhỏ      |                      |
| 1. Cổ đông tổ chức trong nước | 01                                    | 01                          | 1.272.600         | 269              | 35,35 và 0,01        |
| 2. Cổ đông tổ chức nước ngoài | -                                     | -                           | -                 | -                | -                    |
| 3. Cổ đông cá nhân trong nước | 01                                    | 259                         | 262.083           | 2.064.948        | 7,28 và 57,35        |
| 4. Cổ đông cá nhân nước ngoài | -                                     | 01                          | -                 | 100              | 0,002                |
| <b>Tổng cộng</b>              | <b>02</b>                             | <b>261</b>                  | <b>1.534.683</b>  | <b>2.065.317</b> | <b>100</b>           |

(Theo Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán thực hiện quyền bỏ phiếu số V623/2024-VWS/VSD-ĐK ngày 29/03/2024 do VSD lập)

- c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có thay đổi trong năm báo cáo.
- d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có
- e) Các chứng khoán khác: Không có

**III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

**1. Đánh giá kết quả hoạt động SXKD:**

Như đã trình bày tại Mục 1 phần II của báo cáo, do tình hình sản xuất thực tế không thuận lợi này đã có tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2024.

Tình hình về số lượng lao động của Công ty, số lao động trực tiếp theo các dự án chiếm 94% tổng số lao động của Công ty.

Thu nhập trung bình của người lao động VIWASE trong năm 2024 vào khoảng 14,3 triệu đồng/người/tháng tương đương với kế hoạch năm do thu hồi được một số công nợ từ các Dự án triển khai từ năm 2023.

Theo Nghị định 74/2024/NĐ-CP về mức lương tối thiểu đối với người lao động ban hành ngày 30/6/2024 có hiệu lực từ ngày 1/7/2024, Công ty đã xây dựng bảng lương điều chỉnh cho CBNV Công ty.

VIWASE luôn chú trọng quan tâm và tạo điều kiện phát triển đội ngũ cán bộ trẻ có 5-10 năm kinh nghiệm để hình thành đội ngũ nhân sự nòng cốt trong thời gian tới. Công ty có chính sách và đã ký hợp tác, liên kết với một số trường đại học trong hoạt động đào tạo, tiếp nhận sinh viên chuyên ngành về thực tập, tạo nguồn lực tuyển dụng về lâu dài. Tuy nhiên, nguồn đầu vào nhân lực ngành nước là khá hạn hẹp, như một hoàn cảnh chung của ngành kỹ thuật xây dựng hiện nay nên việc tuyển dụng mới cần quyết liệt để đáp ứng kế hoạch đã đề ra của công ty.

Như đã được định hướng và triển khai thực hiện từ những năm vừa qua, năm 2024 và các năm tiếp theo, Công ty tiếp tục chú trọng và thực hiện:

- Bộ máy tổ chức công ty hiện đang được tái cấu trúc để tăng hiệu quả, giảm chi phí quản lý và thực hiện đáp ứng với đa dạng nguồn vốn hơn.
- Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức sản xuất, nâng cao năng suất lao động, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, quan tâm đến thu nhập của người lao động, tạo môi trường làm việc thuận lợi, thúc đẩy và tạo điều kiện cho cán bộ được đào tạo, nâng cao năng lực chuyên môn, năng lực quản lý nhằm nâng cao năng suất lao động; đảm bảo các chương trình quyền lợi của CBNV Công ty
- Đổi mới, nâng cao công tác quản trị doanh nghiệp thông qua việc quy hoạch cán bộ, lựa chọn, tuyển dụng, bổ nhiệm cán bộ có trình độ quản trị, có chuyên môn, nhiệt huyết triển khai thực hiện các lĩnh vực ngành nghề bổ sung.
- Xây dựng và thực hiện tốt chương trình hội thảo, đào tạo phát triển kỹ năng nghề nghiệp. Tổ chức cho cán bộ tham gia các khóa đào tạo về quản trị, về chuyên môn, trình độ ngoại ngữ...
- Tích cực phối hợp với các trường đại học, hiệp hội nghề nghiệp, bổ sung phương thức tuyển dụng lao động, đào tạo và quản lý lao động tại đơn vị trong công ty.
- Trang bị cơ sở vật chất phục vụ người lao động sản xuất với năng suất và chất lượng tốt hơn.
- Tăng cường áp dụng công nghệ thông tin, số hoá, ứng dụng phần mềm chuyên dụng; từng bước áp dụng các mô hình như BIM... vào trong hoạt động quản trị, quản lý công ty và công tác sản xuất để nâng cao năng suất lao động, nâng cao chất lượng sản phẩm.

## **2. Tình hình tài chính:**

- Phân tích khả năng sinh lời, khả năng thanh toán:

Hệ số khả năng thanh toán hiện hành = 1,22 (>1) cho thấy cho thấy với tổng tài sản ngắn hạn hiện có, công ty đảm bảo thanh toán được các khoản nợ ngắn hạn.

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu = 0,16 (>0) cho thấy cứ 100 đồng vốn chủ sở hữu tạo ra được 0,16 đồng lợi nhuận.

- Phân tích những biến động - những thay đổi lớn so với dự kiến và nguyên nhân dẫn đến biến động: Không có biến động, thay đổi lớn so với dự kiến.

Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12 của năm báo cáo:

\* Tổng tài sản : 110.387.937.251 đồng

\* Tổng nguồn vốn: **110.387.937.251** đồng

### **3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:**

+ Công ty luôn kịp thời sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động, các quy chế nội bộ khác để phù hợp với tình hình thực tế của Công ty. Xây dựng quy chế và nâng bậc lương theo hướng công bằng và có lợi cho người lao động.

+ Đầu tư máy móc thiết bị, cải thiện cơ sở vật chất cho các đơn vị để nâng cao năng lực sản xuất.

+ Kết hợp việc mời các chuyên gia, kỹ sư cao cấp hợp tác và tăng cường đào tạo đội ngũ cán bộ trẻ trong công ty. Tạo điều kiện để người lao động được tham gia học tập, nâng cao trình độ.

+ Tăng cường sự hỗ trợ từ các đơn vị chức năng (phòng hành chính nhân sự, phòng tài chính kế toán...), rút ngắn thời gian thực hiện các công đoạn có liên quan.

+ Tăng cường giám sát chất lượng sản phẩm tư vấn thiết kế, tăng cường tiếp nhận phản hồi của khách hàng về chất lượng hồ sơ; Tiếp tục thực hiện quy trình phân công trách nhiệm từ lãnh đạo công ty cho đến chủ nhiệm, chủ trì và cán bộ thiết kế để nâng cao chất lượng dịch vụ.

+ Tích cực và chủ động tham gia các hiệp hội nghề nghiệp, tham gia các diễn đàn, hội thảo chuyên môn, củng cố trang web, và các hoạt động quảng cáo.

+ Công ty cùng với các tổ chức, đoàn thể trong Công ty như Đảng ủy, công đoàn, đoàn Thanh niên thực hiện tốt chủ trương của Đảng, chính sách của nhà nước, tiếp tục chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, cải thiện môi trường làm việc, khuyến khích người lao động nâng cao năng suất và hiệu quả công việc, tham gia tích cực công tác xã hội.

## **IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

### **1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty:**

Theo đánh giá của HĐQT, trong năm 2024 Công ty đã và đang nỗ lực thực hiện phát triển thị trường, tìm kiếm việc làm, thực hiện tốt công tác tư vấn, khảo sát thiết kế, quy hoạch, tư vấn đầu thầu dự án các công trình cấp thoát nước, vệ sinh môi trường và hạ tầng kỹ thuật tại nhiều tỉnh thành trong cả nước.

Tuy nhiên, giá trị doanh thu, hiệu quả và lợi nhuận thấp do chi phí sản xuất tăng (gồm cả chi phí bản quyền phần mềm), công tác thuế, giá cả tăng, thời gian thẩm định phê duyệt thanh toán cho các hợp đồng kéo dài. Tình hình khó khăn về thu hồi công nợ từ khách hàng, phát triển thị trường mới, nhất là đối với các dự án, công trình sử dụng vốn ngân sách, vốn ODA do các thủ tục thẩm định, phê duyệt dự án phức tạp, chậm trễ kéo dài hoặc do các nhà đầu tư tư nhân bị hạn chế nguồn vốn đầu tư mới ảnh hưởng tới nguồn lực tài chính công ty.

Bộ máy tổ chức công ty hiện đang được tái cấu trúc nhằm tăng cường hiệu quả quản lý, giảm chi phí và thực hiện đáp ứng với đa dạng nguồn vốn hơn. Các tổ chức đoàn thể trong công ty vẫn được tạo điều kiện tốt để hoạt động theo qui định.

### **2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng giám đốc Công ty:**

Trong năm 2024, Ban TGD Công ty đã chủ động, nỗ lực tìm kiếm việc làm, đấu thầu các dự án trong nước cũng như các dự án nguồn vốn ODA, thực hiện một số dịch vụ tư vấn lĩnh vực mới có liên quan đến hoạt động chính của công ty như quản lý dự án, đánh giá tài sản các công ty trong ngành.

Công tác quản lý, điều hành SXKD của Ban Tổng giám đốc đã bám sát nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT, Điều lệ và Quy chế hoạt động của Công ty với tinh thần trách nhiệm cao, đã tạo sự phối hợp tốt, có hiệu quả giữa Ban Tổng giám đốc và các đơn vị sản xuất để thực hiện các chỉ đạo của HĐQT trong các hoạt động sản xuất.

Bên cạnh việc đào tạo và phát triển nguồn nhân lực nhằm bồi dưỡng, bổ sung, cập nhật kiến thức cho CBCNV, Ban TGD cũng đã rà soát nguồn nhân lực các đơn vị trong Công ty để đảm bảo huy động đủ nhân sự tham gia thực hiện các dự án khi trúng thầu, nhất là các dự án lớn và dự



án ở các địa bàn xa Hà Nội. Hỗ trợ kịp thời các đơn vị tháo gỡ khó khăn đảm bảo thực hiện các hợp đồng đúng tiến độ và có chất lượng cao.

### 3. Các kế hoạch, định hướng của HĐQT:

- Duy trì sự ổn định, phát triển Công ty nhằm nâng cao uy tín và thương hiệu VIWASE trong việc cung cấp dịch vụ đa lĩnh vực với chất lượng cao và toàn diện, đáp ứng được các yêu cầu của khách hàng, không chỉ đối với các khách hàng trong nước mà còn đối với các đối tác quốc tế, các tổ chức tài trợ quốc tế, đặc biệt là các nhà đầu tư. Tiếp tục triển khai các dịch vụ tư vấn phi truyền thống.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát, chỉ đạo hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, của Hội đồng Quản trị.

- Hoàn thiện cơ bản hệ thống quy chế công ty phục vụ điều hành, sản xuất như bổ sung, sửa đổi quy chế hoạt động sản xuất, qui chế bổ nhiệm bãi nhiệm, tuyển dụng và đào tạo, khoa học; thống nhất phân công nhiệm vụ của Ban Tổng Giám Đốc theo hướng năng động, đề cao tự chủ, chia sẻ và hợp tác vì một thương hiệu, vì một tầm nhìn và một hệ giá trị cốt lõi.

- Tiếp tục đổi mới quy định trong hoạt động sản xuất, rà soát và sắp xếp các đơn vị trực thuộc công ty nhằm tăng cường sự lãnh đạo trực tiếp từ Ban TGD, xây dựng các đơn vị mạnh đảm bảo chất lượng sản phẩm đầu vào và đầu ra, qua đó đáp ứng tốt nhất yêu cầu của khách hàng, giữ vững thị trường và phát triển thương hiệu công ty trong tình hình mới.

- Thực hiện tốt xây dựng năng lực hành nghề tổ chức của công ty. Đồng thời xây dựng đội ngũ quản lý, kinh doanh và kỹ sư giỏi kết hợp với việc nâng cao chất lượng công tác đào tạo, tăng cường hợp tác với các trường Đại học, Viện nghiên cứu, quy hoạch cán bộ; tạo mọi điều kiện để người có năng lực, có trình độ, trách nhiệm và tâm huyết có điều kiện phát triển, vươn lên với thu nhập xứng đáng.

- Tiếp tục đầu tư chiều sâu về công nghệ, các giải pháp tăng năng suất lao động, quản lý thông tin xây dựng (BIM). Từng bước xây dựng công cụ quản lý số trong hoạt động quản trị hành chính và điều hành.

- Tiếp tục đầu tư chiều sâu về cơ sở vật chất. Xây dựng văn hóa doanh nghiệp cho Công ty.

- Mở rộng thêm thị trường và khách hàng mới trong lĩnh vực ngành nước, môi trường và chú trọng tới các nhà đầu tư tư nhân, tăng cường các hoạt động, dịch vụ thương mại mang lại doanh thu tài chính từ các tài sản của Công ty đầu tư.

- Xây dựng mối đoàn kết, hợp tác với tất cả các công ty thành viên trong Tổ hợp Tư vấn xây dựng Việt Nam và các công ty liên kết, một số đối tác nước ngoài; Cùng tìm kiếm, chia sẻ thông tin về lĩnh vực, dự án, nghiên cứu khoa học; cùng hợp tác thực hiện/đầu tư dự án bằng cách tổ hợp thế mạnh của từng bên trong các lĩnh vực, dự án lớn, có tiềm năng; Cùng hợp tác, phát triển dịch vụ tư vấn sang thị trường các nước Đông Nam Á khi có cơ hội.

## V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 1. Hội đồng quản trị:

a) Thành viên và cơ cấu của HĐQT gồm 07 người: Chủ tịch HĐQT và 06 thành viên, trong đó có 06 thành viên HĐQT điều hành và 01 thành viên HĐQT không điều hành.

| Thành viên HĐQT      | Chức danh tại Công ty và tại DN khác | Số lượng CP cá nhân tại thời điểm thành lập Công ty | Tỷ lệ/vốn điều lệ (%) | Số lượng CP cá nhân tại thời điểm 31/12/2024 | Tỷ lệ/vốn điều lệ (%) | Ghi chú |
|----------------------|--------------------------------------|---|-----------------------|--|-----------------------|---------|
| Ông Nguyễn Thanh Hải | Chủ tịch HĐQT                        | 4.517   | 0,22                  | 118.142                                      | 3,28                  |         |

| Thành viên HĐQT      | Chức danh tại Công ty và tại DN khác                                | Số lượng CP cá nhân tại thời điểm thành lập Công ty | Tỷ lệ/vốn điều lệ (%) | Số lượng CP cá nhân tại thời điểm 31/12/2024 | Tỷ lệ/vốn điều lệ (%) | Ghi chú |
|----------------------|---|---|-----------------------|--|-----------------------|---------|
| Ông Lê Văn Tuấn      | Thành viên HĐQT điều hành kiêm Tổng giám đốc                        | 16.108  | 0,76                  | 162.768                                      | 4,52                  |         |
| Ông Nguyễn Văn Thành | Thành viên HĐQT không điều hành                                     | 36.101  | 1,72                  | 79.080                                       | 2,2                   |         |
| Ông Nguyễn Hiền Hoà  | Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc                                  | 0   | 0                     | 69.565                                       | 1,93                  |         |
| Ông Nguyễn Mạnh Hùng | Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc                                  | 0   | 0                     | 38.599                                       | 1,07                  |         |
| Ông Nguyễn Bá Minh   | Thành viên HĐQT không điều hành                                     | 0   | 0,0                   | 0  | 0,0                   |         |
| Ông Nguyễn Thành Tài | Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc kiêm Chủ tịch HĐQT Công ty LAVIC | 2.792   | 0,13                  | 37.070                                       | 1,03                  |         |

**b) Các tiểu ban thuộc HĐQT:**

HĐQT không thành lập các tiểu ban như tiểu ban lương thưởng, tiểu ban đầu tư và tiểu ban nhân sự, v.v. Toàn bộ các vấn đề nêu trên là do các phòng chức năng của Công ty đảm nhiệm như: Phòng tài chính kế toán, Phòng Hành chính Nhân sự...

**c) Hoạt động của HĐQT:**

Hội đồng quản trị (HĐQT) đã thực hiện đầy đủ công tác giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc và các Phòng ban, đơn vị trực thuộc Công ty tuân thủ đúng pháp luật, quản trị hoạt động của công ty và hoạt động sản xuất kinh doanh theo đúng Nghị quyết số 03/NQ-ĐHĐCĐ-VIWASE của ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 và các nghị quyết, quyết định của HĐQT.

Công tác quản lý, điều hành SXKD của Ban Tổng giám đốc đã bám sát các nghị quyết của ĐHĐCĐ, nghị quyết và quyết định của HĐQT, Điều lệ và Quy chế hoạt động của Công ty với tinh thần trách nhiệm cao, đã tạo sự phối hợp tốt, có hiệu quả giữa Ban Tổng giám đốc và các đơn vị sản xuất để thực hiện các chỉ đạo của HĐQT trong các hoạt động sản xuất.

HĐQT chỉ đạo TGD điều chỉnh tổ chức phân công nhiệm vụ các thành viên trong Ban TGD, giao phụ trách các đơn vị cụ thể trong công ty để điều hành sát với hoạt động của từng đơn vị trực thuộc; Rà soát điều chỉnh chi phí cho các dự án cụ thể lớn, trọng điểm của công ty hiện đang thực hiện để đảm bảo hoàn thành tốt hợp đồng đã ký; rà soát, thống nhất kế hoạch tuyển dụng nhân sự trong năm 2024 cho các đơn vị trực thuộc và các phòng chức năng của công ty; Điều chỉnh danh sách quy hoạch cán bộ quản lý.

HĐQT đã xem xét, chấp thuận chi phí thực hiện kế hoạch mua sắm trang thiết bị phục vụ các hoạt động sản xuất và cung cấp dịch vụ của công ty; nghiên cứu, góp ý tài liệu và kế hoạch chính trang sửa chữa trụ sở văn phòng công ty năm giai đoạn 2024-2025, đảm bảo sự thống nhất theo tổng thể chung lâu dài; thực hiện hợp đồng chuyển nhượng dự án cấp nước Văn Lâm và thu hồi vốn đã

đầu tư.

HĐQT đã chỉ đạo những người đại diện quản lý phần vốn của VIWASE tại các doanh nghiệp có vốn góp định hướng với ban lãnh đạo doanh nghiệp thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 với vai trò là cổ đông lớn góp vốn vào doanh nghiệp nhằm đảm bảo hiệu quả đầu tư.

Chủ tịch HĐQT chủ trì các cuộc họp HĐQT, đồng thời thay mặt HĐQT tham dự các cuộc họp định kỳ hàng tháng hoặc đột xuất với Ban Tổng giám đốc, Trưởng các đơn vị Công ty để nắm bắt tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và có ý kiến chỉ đạo trực tiếp tại cuộc họp một số công việc trọng tâm định hướng và cần giải quyết sớm để thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu của kế hoạch SXKD năm 2024.

*Trong năm 2024, HĐQT đã giám sát, tập trung chỉ đạo thực hiện các hoạt động tiêu biểu sau:*

- Chi thường năng suất cho cán bộ nhân viên công ty, thường năng suất cho các đơn vị, đội dự án và cá nhân lao động xuất sắc của Công ty năm 2023.
- Thực hiện hợp đồng chuyển nhượng dự án cấp nước Văn Lâm và thu hồi vốn đã đầu tư.
- Thực hiện Nghị quyết số 06/NQ-VIWASE-HĐQT ngày 10/07/2024 và Nghị quyết số 08/NQ-VIWASE-HĐQT ngày 02/10/2024 về chủ trương, phương án đầu tư bất động sản văn phòng Chi nhánh tại thành phố Đà Nẵng.
- Ban hành các nghị quyết, quyết định và văn bản chỉ đạo Ban Tổng giám đốc thực hiện các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh; Phê duyệt Kế hoạch tuyển dụng nhân sự, mua sắm trang thiết bị và sửa chữa, hoàn thiện văn phòng Công ty năm 2024.
- Tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2024.
- Thực hiện chi trả cổ tức năm 2023 và tạm ứng cổ tức năm 2024.
- Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024.
- Điều chỉnh chủ trương sửa chữa trụ sở công ty.
- Giám sát công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2024.
- Ban hành các nghị quyết, quyết định và văn bản chỉ đạo Ban Tổng giám đốc thực hiện các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh; Phê duyệt Kế hoạch tuyển dụng nhân sự, mua sắm trang thiết bị năm 2024.
- Tham dự các cuộc họp giao ban, kiểm điểm của Ban Tổng giám đốc.

Trong năm 2024, HĐQT đã thực hiện 05 cuộc họp trực tiếp và 04 cuộc họp theo hình thức xin ý kiến bằng văn bản để thông qua các nghị quyết, quyết định của HĐQT. Tỷ lệ tham dự và biểu quyết của các thành viên HĐQT đạt 100%.

Nội dung và kết quả các cuộc họp trong năm 2024 của HĐQT được quyết định thông qua các nghị quyết, quyết định được thể hiện trong bảng dưới đây:

| Stt | Số Nghị quyết/<br>Quyết định/Văn bản | Ngày       | Nội dung   | Tỷ lệ thông<br>qua |
|-----|--------------------------------------|------------|--|--------------------|
| 1   | 01/NQ-HĐQT-<br>VIWASE                | 02/02/2024 | Thông qua dự thảo Hợp đồng chuyển nhượng Dự án và mua bán toàn bộ tài sản của Dự án đầu tư và chuyển nhượng Dự án đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước tại thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | 100%               |
| 2   | 02/NQ-HĐQT-<br>VIWASE                | 09/03/2024 | Thông qua kế hoạch tổ chức và nội dung chương trình nghị sự Đại hội cổ đông thường niên năm 2024   | 100%               |

|    |                                |            |  |      |
|----|--------------------------------|------------|--|------|
| 3  | 04/NQ-HĐQT-<br>VIWASE          | 14/05/2024 | Chi trả cổ tức năm 2023 và tạm ứng cổ tức năm 2024   | 100% |
| 4  | 05/NQ-HĐQT-<br>VIWASE          | 14/05/2024 | Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024   | 100% |
| 5  | 06/NQ-HĐQT-<br>VIWASE          | 10/07/2024 | Thông qua chủ trương đầu tư bất động sản văn phòng chi nhánh tại thành phố Đà Nẵng   | 100% |
| 6  | 07/NQ-HĐQT-<br>VIWASE          | 25/07/2024 | Phê duyệt hạn mức bảo lãnh của Hợp đồng cấp bảo ãnh hạn mức giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam-Chi nhánh Hà Nội    | 100% |
| 7  | 08/NQ-HĐQT-<br>VIWASE          | 02/10/2024 | Thông qua phương án đầu tư BĐS văn phòng Chi nhánh tại thành phố Đà Nẵng   | 100% |
| 8  | 09/NQ-HĐQT-<br>VIWASE          | 11/11/2024 | Phê duyệt tổng giá trị đầu tư mua BĐS tại thành phố Đà Nẵng  | 100% |
| 9  | 10/NQ-HĐQT-<br>VIWASE          | 12/12/2024 | Thực hiện công tác đảm bảo an toàn PCCC đối với công trình nhà chuyên dùng số 5-7-9 Đường Thành  | 100% |
| 10 | 01/2024/QĐ-<br>VIWASE-<br>HĐQT | 05/02/2024 | Phê duyệt kế hoạch chi phí cho cán bộ nhân viên Công ty năm 2024   | 100% |
| 11 | 02/2024/QĐ-<br>VIWASE-<br>HĐQT | 05/02/2024 | Phê duyệt Kế hoạch mua sắm trang thiết bị năm 2024   | 100% |
| 12 | 03/2024/QĐ-<br>VIWASE-<br>HĐQT | 05/02/2024 | Phê duyệt kế hoạch tuyển dụng nhân sự năm 2024   | 100% |
| 13 | 04/2024/QĐ-<br>VIWASE-<br>HĐQT | 14/02/2024 | Ban hành Quy chế hoạt động của Công ty (Sửa đổi lần thứ V)   | 100% |
| 14 | 05/2024/QĐ-<br>VIWASE-<br>HĐQT | 05/02/2024 | Điều chỉnh Thời gian phân bổ công cụ, dụng cụ vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ  | 100% |
| 15 | 09/2024/QĐ-<br>VIWASE-<br>HĐQT | 14/05/2024 | Chi thưởng năng suất cho cán bộ nhân viên công ty  | 100% |
| 16 | 11/2024/QĐ-<br>VIWASE-<br>HĐQT | 24/06/2024 | Điều chỉnh chủ trương đầu tư “Dự án đầu tư sửa chữa trụ sở Công ty VIWASE số 5-7-9 Đường Thành, Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Việt Nam” | 100% |
| 17 | 12/2024/QĐ-<br>VIWASE-<br>HĐQT | 20/06/2024 | Bổ sung thêm 01 (một) con dấu Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Việt Nam và sửa đổi Quy định quản lý và sử dụng con dấu công ty             | 100% |
| 18 | 14/2024/QĐ-<br>VIWASE-<br>HĐQT | 08/10/2024 | Điều chỉnh danh sách quy hoạch cán bộ quản lý  | 100% |

## 2. Ban Kiểm soát:

| Thành viên BKS     | Chức danh  | Số lượng CP cá nhân tại thời điểm thành lập Công ty | Tỷ lệ/vốn điều lệ (%) | Số lượng CP cá nhân tại thời điểm 31/12/2024 | Tỷ lệ/vốn điều lệ (%) |
|--------------------|------------|---|-----------------------|--|-----------------------|
| Bà Đỗ Thị Thúy Nga | Trưởng ban | 12.844  | 0,61                  | 86.207                                       | 2,39                  |
| Bà Vũ Thị Hậu      | Ủy viên    | 4.492   | 0,23                  | 13.137                                       | 0,36                  |
| Bà Nguyễn Thị Thuý | Ủy viên    | 600   | 0,03                  | 6.342  | 0,18                  |

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2024, Ban kiểm soát đã tổ chức 02 cuộc họp.

Các hoạt động giám sát của Ban Kiểm soát đối với HĐQT, Ban Tổng giám đốc và cổ đông tập trung vào các khía cạnh sau:

- Giám sát hoạt động của HĐQT, Ban TGD trong việc thực hiện quản lý và điều hành Công ty, thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ;

- Thông qua các nội dung kiểm tra, các ý kiến đánh giá của BKS về tình hình tài chính và điều hành hoạt động SXKD của TGD trong việc tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và các quy định của pháp luật hiện hành;

- Kiểm tra rà soát việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2024; Kiểm tra BCTC bán niên 2024, báo cáo QTCT bán niên và báo cáo QTCT năm 2024.

- Tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, các cuộc họp thường kỳ giữa Chủ tịch HĐQT với Ban tổng giám đốc, các cuộc họp của Ban Tổng giám đốc, các góp ý theo chức năng, nhiệm vụ của BKS để HĐQT và TGD thực hiện các nhiệm vụ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2024 và theo quy định của pháp luật.

+ Về công tác quản trị Công ty của Hội đồng quản trị trong năm 2024:

- Hội đồng quản trị đã tập trung đẩy mạnh công tác giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc và các Phòng ban chức năng, đơn vị trực thuộc Công ty tuân thủ đúng pháp luật, triển khai thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 theo đúng Nghị quyết của ĐHĐCĐ và của HĐQT.

- HĐQT đã ban hành các nghị quyết, quyết định phù hợp với quy định của pháp luật.

- Chủ tịch HĐQT đã chủ trì các cuộc họp HĐQT, đồng thời thay mặt HĐQT tham dự các cuộc họp với Ban Tổng giám đốc, lãnh đạo các đơn vị công ty để nắm bắt tình hình hoạt động SXKD và có các ý kiến chỉ đạo kịp thời.

- Tham gia tích cực các hoạt động của Tổ hợp Tư vấn xây dựng Việt Nam (VC - Group).

+ Về tình hình triển khai các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của HĐQT:

HĐQT đã triển khai thực hiện các vấn đề của Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 một cách nhanh chóng và phù hợp; Hội đồng quản trị đã nghiên cứu, xem xét cụ thể các tham vấn của cổ đông để có những phương hướng hợp lý nhằm đáp ứng mong mỏi của cổ đông về hoạt động SXKD, mang lại hiệu quả và lợi nhuận cho Công ty, cho cổ đông.

+ Về tình hình, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024:

Hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2024:

Việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 không đạt theo kế hoạch. Tuy nhiên đến hết năm 2024, doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh đạt 94,125 tỷ, đạt 83,15% kế hoạch, trong đó doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh đạt 70,72 tỷ đồng đạt 78,58% so với

kế hoạch. Tuy nhiên lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2024 chuyển sang năm 2025 là 1,916 tỷ đồng và Công ty vẫn đảm bảo chi trả cổ tức cho cổ đông năm 2024 là 6.480.000.000 đồng, tương ứng tỷ lệ 18% theo kế hoạch.

Ban kiểm soát nhận thấy HĐQT và Ban lãnh đạo công ty đã nỗ lực rất lớn để duy trì được hoạt động sản xuất kinh doanh trong bối cảnh khó khăn do suy giảm kinh tế, suy giảm dự án đầu tư công trong lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật. Trong năm 2024, nguồn vốn của Công ty vẫn được bảo toàn. Công tác sổ sách kế toán, chứng từ được thực hiện tốt theo các qui định hiện hành.

### **3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BKS và Ban Tổng giám đốc:**

a) Thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BKS và Ban Tổng giám đốc:

- Lương, thù lao và chi phí của HĐQT, Ban Kiểm soát đã được Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 thông qua, cụ thể: các thành viên Hội đồng quản trị (không kể Chủ tịch HĐQT) không quá 0,6%/năm/Tổng quỹ lương Công ty; Chủ tịch HĐQT không quá 1%/Tổng quỹ lương Công ty; Ban kiểm soát không quá 0,3%/năm/Tổng quỹ lương Công ty. Chi tiết thể hiện trong BCTC năm 2024 đã được kiểm toán.

- Quyền lợi của Ban Tổng giám đốc được thực hiện theo Qui chế hoạt động của Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Việt Nam và được điều chỉnh phù hợp, phụ thuộc vào tình hình và kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Chi tiết thể hiện trong BCTC năm 2024 đã được kiểm toán.

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: Không có

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Công tác quản trị công ty tuân thủ đúng Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Điều lệ công ty, các quy định của pháp luật cũng như các quy chế, quy định nội bộ khác.

## **VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

### **1. Ý kiến kiểm toán:**

Đơn vị kiểm toán độc lập Công ty TNHH Kiểm toán VACO.

Ý kiến của kiểm toán viên

Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo qui định của pháp luật về kế toán được đăng tải trên Website của Công ty tại địa chỉ: <http://viwase.vn>.

Hà Nội, ngày 17 tháng 03 năm 2025

**Trưởng Ban Kiểm soát**

**Đỗ Thị Thúy Nga**

**Kế toán trưởng**

**Ngô Lan Phương**

**Chủ tịch HĐQT**



**Nguyễn Thanh Hải**

**Tổng Giám đốc**

**Lê Văn Tuấn**

